

9 CHƯƠNG VI DIỆU PHÁP

1. Tâm

- . Tâm Dục giới (54 tâm)
- . Tâm Sắc giới (15 tâm)
- . Tâm Vô Sắc giới (12 tâm)
- . Tâm Siêu thế (8 hay 40)

2. Tâm Sở (thuộc tánh)

- . Sở hữu tự tha (13 thuộc tánh)
- . Sở hữu bất thiện (14 thuộc tánh)
- . Sở hữu tịnh hảo (25 thuộc tánh)

3. Linh tinh

- . Thọ (cảm giác)
- . Nhân (gốc, 6 nhân)
- . Cảnh (đối tượng 6 cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp)
- . Sự (14 phận sự của tâm)
- . Môn (6: nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn, ý môn)
- . Vật (6: nhãn vật, nhĩ vật, tỷ vật, thiệt vật, thân vật, ý vật)

4. Lộ Trình tâm (diễn biến tâm lý)

- . Lộ Trình tâm ngũ môn
- . Lộ Trình tâm ý môn

5. Ngoại lộ

- . Cõi
- . Sanh
- . Tử
- . Nghiệp

6. Sắc pháp - Cảnh Níp bàn (cảnh pháp vô vi)

1. Phần tổng lược sắc pháp
2. Phần phân tích sắc pháp
3. Phần nhân sanh sắc pháp
4. Phần các bợn sắc pháp
5. Phần tiến trình sắc pháp
6. Phần 9 tở lộ sắc

7. Tương tập nhiếp

- . Bất thiện tương tập nhiếp (9 thể tài bất thiện)
- . Hỗn tạp tương tập nhiếp (tập loại yếu hiệp)
- . Đăng giác tương tập nhiếp (37 phẩm trợ đạo)
- . Hàm tậ tương tập nhiếp

8. Duyên Sinh (12 duyên khởi) - Duyên Hệ (24 duyên, 47 duyên, 52 duyên)

9. Nghiệp Xứ

A. Chỉ nghiệp xứ

- * 10 đề mục hoàn tịnh
- * 10 đề mục tử thi
- * đề mục hơi thở
- * đề mục 32 thể trược
- * 4 đề mục phạm trú
- * 10 đề mục thường niệm (không đặc thiên)
- * 4 đề mục vô sắc (trình độ có ngũ thiên mới tu được)

. Có 6 cơ tánh : Dục tánh (tánh ái tình, nặng về tham)

- Nộ tánh (tánh sân)
- Đãng tánh (tánh tầm)
- Độn tánh (tánh si)
- Mộ tánh (tánh đức tin)
- Ngộ tánh (tánh giác)

. Định có 3 loại: 1. Sát na định = sở hữu nhất hành => chuẩn bị tướng
2. Cận định = tiền định => thủ tướng
3. Kiên cố định, an chỉ định => quang tướng

. Các loại thăng trí (thần thông)

- Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm thông, Biến hóa thông,
Túc mạng thông, Lậu tậ thông

B. Quán nghiệp xứ

1. Giới tịnh
2. Tâm tịnh
3. Kiến tịnh
4. Đoạn nghi tịnh
5. Đạo, phi đạo tri kiến tịnh
6. Đạo lộ tri kiến tịnh
7. Tri kiến tịnh